

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỔNG HỢP THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

I. Thông tin chung về Trường

Tên trường:	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
Năm thành lập:	1966
Cơ quan/Bộ quản lý trực tiếp:	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Địa chỉ trường:	Số 18, Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Loại hình trường:	Công lập.

II. Nhận xét

1. Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá (TĐG) có cấu trúc đáp ứng yêu cầu theo Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) (*Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT*). Tuy nhiên, Báo cáo cần được Bổ sung các nội dung sau: Chữ ký xác nhận của các thành viên Hội đồng Tự đánh giá trong Danh sách kèm theo Quyết định 282/QĐ-MĐC ngày 05/4/2024 được trình bày ở trang thứ 3 sau trang bìa Báo cáo; chữ ký, xác nhận của đại diện lãnh đạo Nhà trường ở cuối Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá ở trang 336; dữ liệu nối tiếp với đợt tự đánh giá chu kỳ trước (2012-2016), hiện báo cáo có dữ liệu từ 2018-2023 nhưng chưa đầy đủ.

2. Hình thức, văn phong, chính tả trong Báo cáo tự đánh giá

2.1. Về hình thức

- Báo cáo cần được rà soát, điều chỉnh lại về định dạng nội dung được trình bày, cụ thể: Thống nhất hình thức biểu diễn số thập phân trong toàn Báo cáo (sử dụng số thập phân có một/hai/ba chữ số sau dấu phẩy?, sử dụng dấu chấm hay dấu phẩy để biểu thị số thập phân?). Nội dung trong các bảng dữ liệu nên thống nhất: nếu không có thì nên ghi là “0“, nếu không có thông tin thì nên ghi là “-“ hoặc “/”. Cần lập lại tiêu đề các bảng để tiện theo dõi hơn, hiện còn một số bảng chưa được lập lại tiêu đề như Bảng 1:

Danh sách Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 – 2025 (tr.3-4), Bảng 1.1. (tr.12-13), Bảng so sánh Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường ĐH MĐC các phiên bản (tr.19-21),... Thống nhất khoảng cách lùi vào lề khi xuống dòng trình bày văn bản.

- Về viết tắt, chuẩn hóa lại danh mục từ viết tắt, hiện còn một số lỗi như “Bộ GDĐT” tên viết đầy đủ và viết tắt giống nhau; thống nhất từ viết tắt được sử dụng trong toàn Báo cáo, một số ít từ viết còn thiếu thống nhất như “KH&CN” (Danh mục từ viết tắt) và “KH&CN” (tr.120, 251...), “Bộ GDĐT” (Danh mục) và “Bộ GD” (tr.24, 54...).

2.2. Về chính tả, kỹ thuật

- Báo cáo cần được rà soát và chỉnh sửa các ***lỗi chính tả*** ví dụ như “Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.”, “Sự chậm trễ trong sự thay đổi tư duy” (tr.6), “thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng” (tr.8), “xây dựng kế hoạch giảm thiểu” (tr.10), “qua đó khẳng định tuyên bố về tầm nhìn” (tr.14), “trong top đầu các bảng xếp trong trong nước và khu vực” (tr.15), v.v.

- Báo cáo cần được rà soát và chỉnh sửa một số lỗi về cách viết hoa: Viết hoa tên các tổ chức, đơn vị, văn bản quy phạm pháp luật hoặc các văn bản do Nhà trường ban hành chưa đúng quy định, ví dụ: “Trường Đại học Mở - Địa chất (Trường ĐH MĐC) được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966 theo quyết định số 147/QĐ-CP của Chính phủ” (trang 1), “01 khoa Lý luận chính trị, 01 khoa Giáo dục quốc phòng” (trang 4), v.v. Khi đề cập đến Trường Đại học Mở-Địa chất mà không muốn nhắc lại, cần chú ý viết hoa “Nhà trường” thay vì “nhà trường”, “Trường” thay vì “trường”.

3. Nhận xét cụ thể từng phần trong Báo cáo tự đánh giá

3.1. Phần I. Hồ sơ về cơ sở giáo dục

1. Phần Hồ sơ về Trường ĐH Mở - Địa chất đã mô tả và trình bày tổng quan về cơ cấu tổ chức của Nhà trường, lịch sử phát triển, cơ sở đào tạo; đã tóm lược về sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục; đã tóm tắt thành tích nổi bật của trường theo các giai đoạn phát triển: tổng số khoa/viện, chương trình đào tạo, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng... Tuy nhiên, Báo cáo cần được bổ sung giới thiệu tóm tắt về cơ sở vật chất, các cơ sở đào tạo của Nhà trường.

2. Việc phân tích bối cảnh triển khai các hoạt động: Báo cáo đã phân tích các bối cảnh chung, các bối cảnh của Nhà trường; các quy định pháp lý của các hoạt động và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường; những thách thức chính mà Nhà trường gặp phải; các điểm mạnh và cơ hội của Trường và cách mà Nhà trường tận dụng làm tiền đề để xây dựng, phát triển.

3. Phần Cơ sở dữ liệu KĐCLGD đã có đầy đủ các mục, có các thông tin số liệu theo quy định. Giai đoạn đánh giá chu kỳ 2 của Nhà trường xác định là 2018-2023, tuy nhiên giai đoạn đánh giá chu kỳ 1 của Nhà trường là 2012-2016, do đó Nhà trường cần bổ sung thêm thông tin số liệu của năm 2017 để cho thấy sự cải tiến chất lượng liên tục của Nhà trường qua các năm trong giai đoạn, cụ thể ở mục 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 26, 28, 29, 33, 35, 37, 38, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 (từ trang 366 đến trang 610); bổ sung đầy đủ số liệu của năm 2023 và cập nhật đến tháng 4/2024 ở các mục 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 (từ trang 423 đến trang 424). Đồng thời, cần bổ sung đầy đủ số liệu ở các bảng biểu (mục 18, 19, 20, 22, 31, 32, 33, 34, 38 từ trang 370 đến trang 423), trong trường hợp không có số liệu thì để số - 0.

3.2. Phần II. Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

3.2.1. Việc mô tả các hoạt động của đơn vị đối chiếu với yêu cầu của tiêu chí

Báo cáo TĐG đã mô tả thực trạng của Nhà trường trong việc triển khai các hoạt động và các thành tựu, kết quả Nhà trường đã đạt được từ năm 2019 đến 2023 theo nội hàm của các tiêu chí, tiêu chuẩn, thể hiện quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và sứ mạng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, cũng như các nguồn lực, điều kiện thực tế của Nhà trường và quy định hiện hành.

Tuy nhiên, một số nội dung mô tả chưa phân tích làm rõ thực trạng hoạt động của Nhà trường trong 5 năm gần nhất theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí, kèm theo các minh chứng liên quan phù hợp để đánh giá mức đạt được của tiêu chí. Nhà trường cần bổ sung, điều chỉnh trong Báo cáo TĐG và bổ sung minh chứng cho phù hợp với nội dung mô tả, cụ thể như sau:

- Tiêu chí 1.1: Bổ sung phân tích để làm rõ những nội dung thay đổi về tầm nhìn, sứ mạng của Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 so với nội dung tuyên bố của giai đoạn 2008-2020. Cập nhật số liệu về đội ngũ cán bộ, kết quả NCKH, quy hoạch cơ sở vật chất... (trang 14) đến tháng 4/2024.

- Tiêu chí 1.2: Bổ sung nội dung tuyên bố về giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của Trường giai đoạn 2007-2020; phân tích làm rõ những nội dung thay đổi trong bản tuyên bố giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 và chỉ rõ những nội dung/giá trị nào được kế thừa và phát triển từ đó.

- Tiêu chí 1.3: Bổ sung kết quả khảo sát của Nhà trường về việc tiếp cận, nắm bắt về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của các cán bộ, giảng viên và người học, nếu có.

- Tiêu chí 1.4: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về việc tham khảo các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước, lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học bên ngoài Trường; việc phân tích đánh giá về tình hình phát triển/chiến lược phát triển và yêu cầu đối với nhân lực ngành mỏ-địa chất... trong quá trình rà soát, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị

cốt lõi của Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiêu chí 2.1: Bổ sung thông tin cụ thể về các số lượng và thành phần tham gia/được lựa chọn vào Đảng ủy, Hội đồng trường, Hội đồng KH&ĐT, Ban chấp hành Công đoàn trường, các Hội đồng thi đua khen thưởng Trường ... trong giai đoạn 2017-2023; đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn theo các luật định. Bổ sung mô tả làm rõ sự phân định nhiệm vụ/trách nhiệm ra quyết định giữa Hội đồng trường, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, đồng thời dẫn chiếu minh chứng để xác thực. Bổ sung thông tin cụ thể về các nghị quyết, kế hoạch chiến lược, định hướng, chính sách, quy chế hoạt động... của các cơ quan này trong hệ thống quản trị. Ngoài ra, dẫn chiếu đầy đủ minh chứng để xác thực cho các nội dung mô tả về quy chế làm việc của Đảng bộ trường, chương trình công tác của Đảng ủy (trang 25), về quy định tổ chức và các quyết định làm việc của Hội đồng Trường (trang 26), về Đoàn thanh niên CSHCM và Hội sinh viên (trang 27), về quy định nhiệm vụ của Hội đồng KH&ĐT (trang 28). Bổ sung bảng thống kê tất cả văn bản do Hội đồng trường và BGH ban hành trong chu kỳ đánh giá.

- Tiêu chí 2.2: Bổ sung mô tả cụ thể hơn, chỉ rõ các kế hoạch hành động, các chính sách, các hướng dẫn triển khai thực hiện nào đã được cụ thể hóa từ Nghị quyết của Đảng ủy, từ Chiến lược phát triển Trường các giai đoạn 2007-2020 và 2021-2030 của Đảng ủy, Hội đồng Trường... (lưu ý chỉ nêu những quyết định lớn có ảnh hưởng đến đường hướng phát triển Nhà trường của các cơ quan quản trị trong giai đoạn 2017-2023).

- Tiêu chí 2.3: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về việc thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả của các văn bản của hệ thống quản trị (các nghị quyết, kế hoạch chiến lược, định hướng, chính sách, quy chế hoạt động ... cụ thể nào được rà soát), các bước triển khai và kết quả rà soát, đánh giá.

- Tiêu chí 2.4: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về những thay đổi, điều chỉnh về nhân sự tham gia hệ thống quản trị (số lượng, trình độ, năng lực tham mưu tư vấn chiến lược...), về công cụ quản trị/hệ thống văn bản nghị quyết, chính sách... của Đảng ủy, Hội đồng trường, Hội đồng KH&ĐT, Công đoàn Trường... sau rà soát, đánh giá.

Ngoài ra, cần chuyển nội dung mô tả về việc bổ nhiệm mới, điều chỉnh, kiện tàn các chức danh quản lý ở các đơn vị (trang 34) sang Tiêu chí 3.4.

- Tiêu chí 3.1: Bổ sung mô tả về cơ cấu và nhân sự quản lý của Nhà trường (nêu cụ thể số lượng các đơn vị quản lý hành chính, các đơn vị quản lý chuyên môn, các đơn vị thực hiện nghiên cứu; trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn của 3 nhóm cán bộ quản lý theo cơ cấu tổ chức đó), đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu quản lý này với quy định của pháp luật. Mô tả cụ thể hơn về hệ thống các văn bản tổ chức, quản lý các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, công tác cán bộ và người học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, tài chính,...; đánh giá mức độ hỗ trợ hiệu quả/chưa hiệu quả của hệ

thống các văn bản này cho công tác quản lý các hoạt động của Nhà trường. Ngoài ra, nội dung mô tả về Đảng ủy, Hội đồng Trường (trang 38, 39) không trực tiếp liên quan đến Tiêu chí này; có thể tích hợp chuyển lên Tiêu chí 2.1.

- Tiêu chí 3.3: Bổ sung mô tả về việc đánh giá giữa nhiệm kỳ đối với các cán bộ quản lý Nhà trường trong giai đoạn 2017-2023 (cách thức thực hiện, thời gian, công cụ/tiêu chí đánh giá, kết quả đánh giá, việc sử dụng kết quả đánh giá,...); việc rà soát, xây dựng quy hoạch lãnh đạo quản lý (quy trình, kết quả thực hiện).

- Tiêu chí 3.4: Bổ sung tỉ lệ cụ thể về cán bộ có hệ số phụ cấp chức vụ trên tổng số cán bộ của Nhà trường; số lượng, thành phần, trình độ chuyên môn của các cán bộ quản lý (cấp phòng, cấp khoa, các đơn vị trực thuộc Trường) được điều chuyển, bổ nhiệm thay thế. Bổ sung mô tả về hệ thống các văn bản (là công cụ quản lý) được ban hành mới, thay thế trong giai đoạn 2017-2023. Ngoài ra, một số nội dung mô tả về Đảng ủy, Hội đồng Trường (trang 41, 42) không trực tiếp liên quan đến Tiêu chí này, có thể tích hợp chuyển sang Tiêu chí 2.4.

- Tiêu chí 4.1: Bổ sung mô tả về sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiêu chí 4.3: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về cách thức Nhà trường xác lập các chỉ số thực hiện/ chỉ tiêu phấn đấu (thực hiện lựa chọn đối tác, đối sánh theo các chỉ số của đối tác, phân tích đánh giá bối cảnh, xác lập chỉ số của Trường,...).

- Tiêu chí 4.4: Bổ sung các thông tin, số liệu cụ thể và phân tích làm rõ diễn tiến/xu hướng thay đổi qua các chỉ số thực hiện/KPIs chính trong mục tiêu phát triển về đào tạo, khoa học công nghệ, phục vụ cộng đồng, phát triển đội ngũ, nguồn thu, cơ sở vật chất, ... của giai đoạn 2007-2020 so với giai đoạn 2021-2030. Qua đó phân tích làm rõ các chỉ số này được điều chỉnh đã phản ánh về thực tế hoạt động và bám sát mục tiêu chiến lược của Nhà trường như thế nào.

- Tiêu chí 5.1: Bổ sung mô tả về các kế hoạch tập huấn và việc tổ chức tập huấn cho các cán bộ nhà trường về công tác xây dựng các chính sách. Mô tả cụ thể việc tham khảo các cơ sở giáo dục khác, việc đánh giá hiện trạng thực thi các hoạt động của Nhà trường, việc phân tích xu thế và yêu cầu phát triển các ngành nghề của quốc gia... làm cơ sở xây dựng, và/hoặc điều chỉnh các chính sách trong giai đoạn 2017-2023 của Nhà trường, nếu có. Phân tích và minh họa cho thấy vai trò của Nhà trường trong việc phát triển ngành khoa học mở-địa chất của Việt Nam và các chính sách liên quan của Nhà trường.

- Tiêu chí 5.2: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về việc sử dụng các kết quả giám sát để xem xét, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà

trường. Ngoài ra, dẫn chiếu minh chứng để xác thực cho các nội dung mô tả về việc công bố kết quả giáo sát của Hội đồng Trường tới cán bộ, giảng viên... (trang 80).

- Tiêu chí 5.3: Bổ sung nội dung mô tả về việc giám sát của Hội đồng trường trong rà soát, đánh giá các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

- Tiêu chí 6.1: Bổ sung mô tả về số lượng các cán bộ đã được Nhà trường quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo Trường, cán bộ quản lý, giảng viên và nghiên cứu viên trong giai đoạn 2017-2023. Ngoài ra, bổ sung sơ đồ tổ chức của Trường (Hình 6.1, trang 86) và các minh chứng về báo cáo Hội nghị CBVC hàng năm (hiện H6.01.39 chỉ có của năm 2022).

- Tiêu chí 6.2: Bổ sung đầy đủ các hồ sơ bổ nhiệm nhân sự quản lý của các đợt trong giai đoạn 2017-2023 (vì hiện H6.06.02.22 chỉ đưa ra ví dụ của một bộ hồ sơ bổ nhiệm nhân sự).

- Tiêu chí 6.4: Bổ sung số kinh phí đã được Nhà trường chi cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên Nhà trường năm 2023 (Bảng 6.8, trang 105; Bảng 6.9, trang 106; Bảng 6.11, trang 107). Bổ sung kết quả đánh giá/ý kiến phản hồi của các cán bộ, giảng viên về tính hiệu quả, phù hợp của các khóa đào tạo, bồi dưỡng phục vụ cho công tác chuyên môn qua các khảo sát của Nhà trường, nếu có.

- Tiêu chí 6.5: Cập nhật số liệu năm 2023 hoặc năm học 2022-2023 (Bảng 6.12 và 6.13, trang 111). Bổ sung ý kiến phản hồi của các cán bộ giảng viên, nhân viên về cách thức đánh giá của Nhà trường (qua các khảo sát của Nhà trường, nếu có).

- Tiêu chí 7.1: Mô tả cụ thể hơn về các công cụ, biểu mẫu, phần mềm được sử dụng trong công tác quản lý tài chính. Nêu các kết luận của kiểm toán độc lập, kiểm tra tài chính hàng năm về công tác quản lý tài chính của Nhà trường và kết quả thực hiện của Nhà trường đối với các kết luận đó. Cập nhật số liệu của năm 2023 (Bảng 7.1, trang 139; Bảng 7.2, trang 140; Bảng 7.3, trang 141).

- Tiêu chí 7.2: Bổ sung mô tả về việc tổ chức để tạo sự kết nối, phối hợp đào tạo giữa các cơ sở đào tạo (khu A, B, C và khu Đô thị đại học tại Hà Nội; cơ sở Quảng Ninh và cơ sở Lạng Sơn). Bổ sung số kinh phí được Nhà trường đầu tư cho mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất đầy đủ các năm (hiện ở trang 146 chỉ nêu “năm 2020-2021”).

- Tiêu chí 7.3: Bổ sung mô tả về công tác chuyển đổi số và đào tạo e-learning (chuẩn bị cơ sở hạ tầng, kế hoạch triển khai và kết quả đạt được tại thời điểm hiện tại). Cập nhật số liệu của năm 2023 (Bảng 7.7, trang 155). Ngoài ra, dẫn chiếu minh chứng để xác thực cho các nội dung mô tả về việc tổng kết và đánh giá về hoạt động đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT (trang 155).

- Tiêu chí 7.4: Bổ sung mô tả về công tác biên soạn giáo trình; số giáo trình, tài liệu, bài giảng điện tử được nhập vào thư viện hàng năm để phục vụ cho đào tạo và

nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Cập nhật số liệu của năm 2023 (Bảng 7.11, trang 158; Bảng 7.10, trang 159) và dữ liệu thống kê về số người học sử dụng thư viện, mượn sách... ở trang 160-161.

- Tiêu chí 7.5: Cập nhật số liệu của năm 2023 (Bảng 7.12, trang 162). Bổ sung kết quả khảo sát, đánh giá/ phản hồi của các cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học về môi trường, sức khỏe, việc đảm bảo các điều kiện an ninh an toàn qua các khảo sát của Nhà trường, nếu có.

- Tiêu chí 8.1: Bổ sung số lượng, trình độ, năng lực tham mưu tư vấn lập kế hoạch chiến lược về hoạt động hợp tác phát triển của đội ngũ cán bộ chuyên trách Phòng Hợp tác quốc tế. Mô tả cụ thể hơn về các mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu/KPIs, sản phẩm, nguồn lực thực hiện được xác định trong kế hoạch chiến lược phát triển về công tác xây dựng và phát triển mạng lưới và các hoạt động hợp tác quốc tế, trong nước giai đoạn 2017-2020 và 2021-2025. Chú ý đến các công tác xây dựng và phát triển mạng lưới và các hoạt động hợp tác trong nước.

- Tiêu chí 8.2: Bổ sung số kinh phí ước tính thu được từ hoạt động hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế để tăng cường vào nguồn lực phát triển Nhà trường trong giai đoạn 2017-2023.

- Tiêu chí 8.3: Bổ sung các tiêu chí đánh giá đã được sử dụng để rà soát, đánh giá tính hiệu quả hợp tác với các đối tác, hiệu quả của các hợp tác; nêu kết quả rà soát (số lượng đối tác, lĩnh vực hợp tác phù hợp với thế mạnh của Trường, kết quả hợp tác/hiệu quả mang lại cho Trường...).

- Tiêu chí 8.4: Sử dụng các kết quả đạt được về xây dựng, phát triển các hợp tác, các đối tác (số lượng các CTĐT liên kết; số giảng viên, sinh viên trao đổi, giao lưu học thuật với các nước tiên tiến; số lượng tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế đồng tổ chức; số lượng các chuyên gia quốc tế và trong nước có trình độ cao đã thu hút đến làm việc; số lượng các seminar, khóa học ngắn hạn; các dự án quốc tế về nâng cao năng lực giáo dục đại học; số kinh phí được tài trợ từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài nhằm phục vụ công tác đào tạo, NCKH và đầu tư CSVN cho nhà trường ...) để phân tích sự diễn tiến, phát triển trong giai đoạn 2017-2023; đánh giá những hiệu quả, lợi ích mang lại cho Nhà trường từ các hoạt động hợp tác quốc tế và hợp tác trong nước.

- Đối với kế hoạch cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 8: Cần xây dựng bổ sung các kế hoạch để khắc phục các tồn tại 3, 4, 5 và 6 (hiện chỉ có kế hoạch khắc phục tồn tại 1 và 2 – trang 172).

- Tiêu chí 9.1: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về các quy định, hướng dẫn, biểu mẫu, công cụ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

- Tiêu chí 9.2: Bổ sung số kinh phí được Nhà trường đầu tư hàng năm để triển khai các hoạt động ĐBCL. Mô tả cụ thể hơn về chế độ khuyến khích khen thưởng của

Trường đối với các cá nhân, đơn vị có những đóng góp cho các hoạt động đảm bảo chất lượng trong nhà trường, nếu có.

- Tiêu chí 9.3: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về các mục tiêu kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính (KPIs) trong nhiệm vụ năm học hàng năm về hoạt động ĐBCL; chỉ rõ mức độ chuyển tải các kế hoạch năm học này từ các kế hoạch tổng thể công tác ĐBCL của Nhà trường các giai đoạn 2017-2020 và 2021-2030.

- Tiêu chí 9.4: Bổ sung nội dung tuyên bố về chính sách chất lượng của Trường và các nhiệm vụ được xác định, các nguồn lực được đầu tư để thực thi cho các chính sách này. Bổ sung mô tả về các quy định, quy trình hướng dẫn thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng, sổ tay chất lượng, công cụ khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, các quy trình/công cụ thực hiện khảo sát và xử lý, phân tích kết quả...

- Tiêu chí 9.6: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về việc triển khai thực hiện rà soát, cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động và các KPIs, chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL (thời gian thực hiện, kết quả cải tiến/các bước lập kế hoạch, cách thức lập kế hoạch, nội dung kế hoạch được xác lập kế hoạch,...; thời gian thực hiện, kết quả cải tiến/các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác ĐBCL được cải tiến/thay đổi...).

- Đối với kế hoạch cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 9: Cần xây dựng bổ sung kế hoạch để khắc phục tồn tại 3 (hiện chỉ có kế hoạch khắc phục tồn tại 1 và 2 – trang 181).

- Tiêu chí 10.1: Bổ sung mục tiêu chiến lược và kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài tổng thể nhà trường và các CTĐT cho toàn giai đoạn 2017-2020 và 2021-2030 tầm nhìn đến 2045; đồng thời bổ sung giải thích làm rõ việc chậm tiến độ KĐCL chu kỳ 2 để làm rõ hơn về bối cảnh của Nhà trường.

- Tiêu chí 10.2: Bổ sung kết quả đánh giá mức độ tham gia, hỗ trợ của các cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL, kiểm định chất lượng trong công tác tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài của Nhà trường (cơ sở giáo dục và các CTĐT) từ 2017 đến 2023.

- Tiêu chí 10.4: Bổ sung mô tả về việc tổ chức họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong Nhà trường và với các cơ sở giáo dục khác, nếu có.

- Đối với kế hoạch cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 10: Cần xây dựng bổ sung các kế hoạch để khắc phục các tồn tại 1 (hiện chỉ có kế hoạch khắc phục tồn tại 2 – trang 187).

- Tiêu chí 11.1: Bổ sung mô tả về việc xây dựng hệ thống thông tin ra bên ngoài (website, brochure, báo cáo ba công khai...) nhằm truyền thông, quảng bá giúp tạo hình ảnh, thương hiệu của Nhà trường; và về việc cập nhật và bảo mật thông tin cho hệ thống này. Mô tả cụ thể hơn về đơn vị được giao làm đầu mối thu thập và quản lý thông tin

ĐBCL bên trong của Nhà trường.

- Tiêu chí 11.2: Bổ sung mô tả về cách thức phân cấp dữ liệu, việc sử dụng kết quả tổng hợp dữ liệu để làm căn cứ ra quyết định đối với các lĩnh vực hoạt động.

- Tiêu chí 11.3: Bổ sung nội dung mô tả về việc tham khảo ý kiến phản hồi, cơ chế sử dụng kết quả khảo sát (các ý kiến góp ý, kế hoạch và nội dung tích hợp bổ sung, điều chỉnh) trong quá trình rà soát, điều chỉnh các quy định hướng dẫn, phân công thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện việc rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Làm rõ thêm về các phương pháp, công cụ đánh giá, khảo sát và giám sát trong ĐBCL được cải tiến thế nào trong những năm trở lại đây (ví dụ, nội dung, thang đo, việc phân tích xử lý kết quả, việc sử dụng kết quả đánh giá về hoạt động giảng dạy của giảng viên, đánh giá về chất lượng khóa học,...). Bổ sung mô tả về việc bảo mật cho hệ thống thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường và các đơn vị.

- Tiêu chí 11.4: Phân tích, đánh giá mức độ ảnh hưởng, đóng góp của hệ thống thông tin ĐBCL bên trong cho việc hỗ trợ ra quyết định và đóng góp của hệ thống thông tin ra bên ngoài để làm gia tăng hình ảnh, thương hiệu cho Nhà trường.

- Ngoài ra, cần điều chỉnh diễn đạt cho phù hợp hơn về nhận định điểm tồn tại của Tiêu chuẩn (nội dung 2) (hiện đang nêu như kế hoạch cải tiến). Đồng thời cần xây dựng và bổ sung kế hoạch hành động để khắc phục tồn tại 1 của Tiêu chuẩn (hiện ở trang 195 chỉ có kế hoạch để khắc phục tồn tại 2).

- Tiêu chí 12.3: Mô tả cụ thể hơn việc so chuẩn, đối sánh với các cơ sở giáo dục khác trong xác định định hướng phát triển và các chỉ số phấn đấu trong chiến lược phát triển Trường các giai đoạn 2017-2020, 2021-2030 (các đối tác được lựa chọn, các tiêu chí đối sánh được sử dụng, quy trình triển khai...). Ngoài ra, cần rà soát để đảm bảo sử dụng chuẩn xác và nhất quán các giai đoạn phát triển nhà trường ở các chiến lược (2021-2030 hay 2023-2025 và 2026-2030 như được nêu tại trang 201).

- Tiêu chí 12.4: Bổ sung mô tả để làm rõ hơn việc thực hiện rà soát, đánh giá về quy trình thực hiện, tiêu chí và cách thức thực hiện so chuẩn, đối sánh của Nhà trường (ví dụ như: xem đã tuân thủ các bước cơ bản chưa, cách thức lựa chọn và sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh đạt hiệu quả chưa; xem xét, tham chiếu cách thức, tiêu chí lựa chọn các đối tác so chuẩn, các thang đo chuẩn của các cơ sở giáo dục khác để tham khảo, học hỏi như thế nào...). Mô tả cụ thể hơn về kế hoạch và triển khai các kế hoạch thực hiện rà soát quy trình này, việc phân công trách nhiệm, các công cụ để thực hiện rà soát, cách thức thực hiện rà soát,...

- Tiêu chí 12.5: Bổ sung theo yêu cầu tiêu chí (mô tả, phân tích kèm theo minh chứng) về các nội dung sau : 1) Quy trình đối sánh (tức là các bước thực hiện, công cụ, cách thức thực hiện đối sánh); và 2) Việc sử dụng các thông tin so chuẩn đã được thay đổi như thế nào sau rà soát điều chỉnh và các thay đổi này đã đáp ứng được yêu cầu và

phát huy hiệu quả phục vụ cho quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường ở mức độ nào (ví dụ: Trước đây lựa chọn các đối tác để so chuẩn là những cơ sở mà Nhà trường có thông tin; sau rà soát, đã lựa chọn các cơ sở giáo dục có các điều kiện, bối cảnh tương đồng trong nhóm có cùng định hướng và tầm nhìn phát triển,...). Do đó, cần tập trung để làm rõ hơn các yêu cầu này.

- Đối với kế hoạch cải tiến chất lượng Tiêu chuẩn 12: Cần xây dựng bổ sung các kế hoạch để khắc phục các tồn tại 2 và 3 (hiện chỉ có kế hoạch khắc phục tồn tại 1 – trang 204).

- Tiêu chí 13.1: Bổ sung cụ thể về các định hướng/quy hoạch phát triển các ngành đào tạo của Nhà trường; đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách tuyển sinh đối với các định hướng/quy hoạch này.

- Tiêu chí 13.3: Bổ sung đầy đủ kết quả thí sinh trúng tuyển nhập học hàng năm từ 201 đến 2023; tính tỷ lệ phần trăm so với chỉ tiêu quy định (các trình độ đào tạo, hệ đào tạo chính quy và không chính quy) (hiện ở Bảng 13.1, trang 212 mới nêu kết quả tuyển sinh của trình độ đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ và chưa tính tỷ lệ phần trăm; cần bổ sung kết quả tuyển sinh của trình độ đào tạo đào tạo và các hệ đào tạo ngoài chính quy). Ngoài ra cần đưa ra nhận định đánh giá cho giai đoạn 2017-2023 (hiện đang nêu “giai đoạn 2017-2021). Đồng thời, cần nêu kết luận kiểm tra của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh của Trường., nếu có.

- Tiêu chí 13.4: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về các biện pháp đo lường được thiết lập để giám sát việc tuyển sinh và nhập học hàng năm (ví dụ như: số lượng tuyển sinh, điểm chuẩn, kết quả kiểm tra đầu vào, xu hướng, mục tiêu, tỷ lệ, phân tích tương quan và điểm trung bình...).

- Tiêu chí 14.1: Bổ sung mô tả cụ thể hơn việc tham khảo các CTĐT (thời gian thực hiện, tên CTĐT, tên cơ sở giáo dục thực hiện CTĐT, nội dung tham khảo, học hỏi được...); việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong các đợt rà soát, điều chỉnh CTĐT (thời gian thực hiện, số lượng, thành phần từng bên liên quan tham gia khảo sát và mức độ tham gia) và việc tích hợp các ý kiến góp ý của các bên liên quan để chuyển thành nội dung điều chỉnh của chương trình dạy học, nội dung được điều chỉnh/thay đổi của các phiên bản CTĐT sau rà soát, điều chỉnh so với các phiên bản trước đó...).

- Tiêu chí 14.2: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về thời gian thực hiện rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của các CTĐT (2018, 2020?); về việc tham khảo các CTĐT (thời gian thực hiện, tên CTĐT, tên cơ sở giáo dục thực hiện CTĐT, nội dung tham khảo, học hỏi được...); về việc tham khảo lấy ý kiến của các bên liên quan (số lượng, thành phần từng bên liên quan tham gia khảo sát và mức độ tham gia, kết quả tích hợp các ý kiến góp ý của các bên liên quan để chuyển thành nội dung điều chỉnh của chuẩn đầu ra); phân tích làm rõ nội dung được điều chỉnh/thay đổi của các phiên bản chuẩn đầu ra sau

rà soát, điều chỉnh so với các phiên bản trước đó.

- Tiêu chí 14.3: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về thời gian thực hiện rà soát, điều chỉnh (2018, 2020?); làm rõ vai trò của các giảng viên trong các đợt này. Bổ sung mô tả về những thông tin, nội dung chính được thay đổi, cập nhật trong các bản đề cương các môn học/học phần sau rà soát, điều chỉnh so với các phiên bản trước đó.

- Tiêu chí 14.5: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về quan điểm tiếp cận và mức độ tham gia của các bên liên quan trong và ngoài trường; quy trình/các bước thực hiện rà soát điều chỉnh trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2020 so với năm 2018 để minh họa thêm cho sự thay đổi, điều chỉnh.

- Đối với Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14: Các nhận định điểm mạnh 1 và 6 chưa đủ căn cứ; cần bổ sung thêm mô tả và có dẫn chứng minh chứng phù hợp để xác thực. Nhận định điểm mạnh 4 có nội dung chưa trực tiếp liên quan đến yêu cầu của Tiêu chí này; có thể tích hợp và chuyển qua Tiêu chuẩn 15.

- Tiêu chí 15.1: Bổ sung đánh giá hiệu quả tổ chức các hoạt động dạy học của các CTĐT (dạy học trên lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài thực tế, thực tập doanh nghiệp; các hoạt động hỗ trợ người học NCKH, khởi nghiệp....); nêu rõ các hoạt động này được thiết kế như thế nào ở từng giai đoạn dạy-học, hướng tới đạt được mục tiêu gì, chuẩn đầu ra cụ thể nào.

- Tiêu chí 15.2: Bổ sung số lượng, trình độ đào tạo, kinh nghiệm chuyên môn của các cán bộ, giảng viên đã thu hút được; đã được tuyển dụng, lựa chọn vào Trường từ năm 2017 đến nay (hiện ở trang 228 chỉ nêu số lượng viên chức tổng thể của Trường đến cuối năm học 2022-2023). Tính số giảng viên cho từng ngành đào tạo theo quy định của Thông tư 02/2022. Nêu các ý kiến phản hồi của các giảng viên về chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ và việc phân công nhiệm vụ của Nhà trường qua các khảo sát của Trường, nếu có.

- Tiêu chí 15.3: Bổ sung số lượt người học tham gia và kết quả các hoạt động được mô tả ở trang 229, 230).

- Tiêu chí 15.5: Bổ sung nội dung mô tả về các hoạt động dạy học trên lớp; các hoạt động ngoại khóa, thực tập thực tế; các hoạt động hỗ trợ người học nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, cử tham dự các cuộc thi sáng tạo; các phương pháp dạy-học và công cụ hiện đại trong dạy-học... đã được áp dụng sau các rà soát, điều chỉnh và các kết quả đã đạt được.

- Tiêu chí 16.2: Bổ sung nội dung nhận định/ đánh giá về việc các hình thức kiểm tra đánh giá được thiết kế đã đáp ứng yêu cầu/chưa đáp ứng yêu cầu đo lường được chuẩn đầu ra của các học phần này ở mức độ nào.

- Tiêu chí 16.3: Bổ sung mô tả cụ thể hơn việc tổ chức ra đề/xây dựng ngân hàng đề thi, tổ hợp đề thi; việc tổ chức thi, chấm thi và việc kiểm tra giám sát các quá trình

này. Nêu tỷ trọng của các hình thức/phương pháp được thiết kế/sử dụng cho các học phần/môn học trong các CTĐT (có thể lập bảng thống kê để tính; nêu ví dụ các hình thức được thiết kế và sử dụng ở 3-4 CTĐT để minh họa). Mô tả cụ thể việc thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi bằng các công cụ hiện đại; nếu kết quả thẩm định, phân tích này, nếu có.

- Tiêu chí 16.4: Bổ sung mô tả việc xây dựng kế hoạch, công cụ và cách thức triển khai đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của các CTĐT theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và kết quả đạt được, nếu có.

- Tiêu chí 17.1: Bổ sung mô tả về đội ngũ cố vấn học tập, cán bộ hướng dẫn khoa học đối với người học sau đại học và các nội dung, kế hoạch tư vấn cho người học trong học tập, NCKH và thực hiện khoá luận, luận văn, luận án tốt nghiệp. Nêu các chỉ số được sử dụng, các phần mềm hỗ trợ để giám sát, theo dõi và đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của người học.

- Tiêu chí 17.2: Bổ sung mô tả về vai trò của các cán bộ hướng dẫn khoa học và các cố vấn học tập trong việc cung cấp tư vấn học tập và hỗ trợ cho người học trong học tập, nghiên cứu và hướng dẫn người học thực hiện khoá luận, luận văn, luận án tốt nghiệp; về việc tổ chức các cuộc thi sáng tạo, các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, các sinh hoạt NCKH chuyên đề... và kết quả đạt được của các hoạt động.

- Tiêu chí 17.3: Bổ sung các chỉ số/công cụ được sử dụng để rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, đánh giá người học.

- Tiêu chí 17.4: Bổ sung kết quả tình trạng việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp các CTĐT đại học; tỷ lệ học viên các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ thôi học, tốt nghiệp và mức độ thăng tiến công việc sau tốt nghiệp; các thành tích và giải thưởng người học đạt được về NCKH.... Phân tích diễn tiến/xu thế qua các năm để chứng minh về hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường.

- Tiêu chí 18.1: Bổ sung các mục tiêu chiến lược về KH&CN cùng với các chỉ số thực hiện cốt lõi (KPIs) của các giai đoạn 2017-2020 và 2021-2030. Nêu các quy định cụ thể về khối lượng NCKH đối với cán bộ, giảng viên Nhà trường.

- Tiêu chí 18.2: Bổ sung bảng thống kê hàng năm (từ 2017 đến 2023) về kinh phí từ các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ/Tỉnh và các nguồn khác; về kinh phí của Nhà trường chi cho các hoạt động KH&CN của cán bộ giảng viên và của người học. Lưu ý bóc tách hoặc bổ sung số liệu kinh phí từ các nguồn hỗ trợ khác cho NCKH của Nhà trường như từ dự án, từ nguồn hỗ trợ của doanh nghiệp... và chi cho tổ chức hội nghị hội thảo, cho tăng cường năng lực nghiên cứu, cho đầu tư cho trang thiết bị nghiên cứu, cho khen thưởng công bố khoa học quốc tế, các giải thưởng...

- Tiêu chí 18.4: Bổ sung nhận định đánh giá về mức độ kết quả NCKH của Nhà trường đã đạt được từ 2018-2023 so với kế hoạch, sứ mạng và định hướng phát triển của

Nhà trường; đánh giá tác động của kết quả NCKH của Nhà trường và mức độ đóng góp cho sự phát triển kinh tế-xã hội của ngành, các địa phương và cả nước. Ngoài ra, dẫn chiếu minh chứng để xác thực cho các nội dung mô tả về chuyển đổi số trong quản lý hoạt động KHCN (trang 260).

- Tiêu chí 19.1: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về các chính sách đối với việc quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của Nhà trường.

- Tiêu chí 19.2: Bổ sung mô tả về cách thức Nhà trường ghi nhận, lưu trữ và khai thác, chiến lược “ra thị trường” các tài sản trí tuệ của Nhà trường. Làm rõ các quy định của Trường về vấn đề đảm bảo bản quyền của các tài liệu học tập, bài giảng điện tử, giáo trình biên soạn, tạp chí khoa học...

- Đối với Đánh giá chung Tiêu chuẩn 19: Chưa có kế hoạch để khắc phục tồn tại 2 và 3 (trang 271); cần bổ sung. Ngoài ra, các kế hoạch 3, 5, 7 được xây dựng nhưng chưa rõ để hướng tới khắc phục tồn tại nào, nên cần rà soát, tích hợp hoặc lược bỏ.

- Tiêu chí 20.1: Bổ sung mô tả về các mục tiêu, định hướng phát triển, các KPIs cụ thể về phát triển hợp tác, đối tác trong nghiên cứu của Trường của các giai đoạn 2017-2020 và 2021-2030 để minh họa. Bổ sung mô tả về các chính sách ưu đãi, thu hút chuyên gia ... đến hợp tác nghiên cứu với Nhà trường trong 5 năm vừa qua. Cập nhật số liệu năm 2023 ở Bảng 20.1, 20.2, 20.3 (trang 274, 275).

- Tiêu chí 20.2: Bổ sung số lượng các trang thiết bị được đầu tư, số kinh phí được tài trợ/thu được,... từ các hoạt động hợp tác. Cập nhật số liệu năm 2023 ở Bảng 20.4 (trang 277).

- Tiêu chí 20.3: Mô tả cụ thể hơn về các chỉ số/công cụ được sử dụng để rà soát, đánh giá các hoạt động hợp tác và các đối tác nghiên cứu; về các bước đã triển khai; nêu những hoạt động hợp tác và các đối tác nghiên cứu được đánh giá là có hiệu quả nhất trong 5 năm qua từ các kết quả rà soát, đánh giá này.

- Tiêu chí 20.4: Bổ sung mô tả về sự thay đổi về số lượng, thành phần đối tác và quan hệ trong NCKH; tiêu chí lựa chọn các đối tác, các giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động hợp tác,... trong tiến trình phát triển 5 năm qua của Trường. Cập nhật số liệu năm 2023 ở Bảng 20.5, 20.6 (trang 281).

- Tiêu chí 21.1: Mô tả cụ thể về các mục tiêu chiến lược, các KPIs thực hiện hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng trong giai đoạn 2017-2020 và 2021-2030 của Trường. Mô tả và phân tích làm rõ mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật trong các quy định, chính sách của Nhà trường đối với công tác kết nối, phục vụ cộng đồng (như quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động); đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách, kế hoạch này đối với việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và triết lý của Nhà trường.

- Tiêu chí 21.2: Bổ sung số lượng cụ thể các đề tài, dự án, sản phẩm khoa học được thực hiện và chuyển giao, áp dụng vào thực tiễn của các địa phương, doanh nghiệp. Bổ sung kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nhằm tăng cường năng lực học tập suốt đời cho cộng đồng. Nêu kết quả ghi nhận/khen thưởng của các cấp, ban ngành về các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Cập nhật số liệu của năm 2023 ở các nội dung mô tả (trang 288, 289). Dẫn chiếu đầy đủ minh chứng để xác thực cho các nội dung mô tả (trang 288-291).

- Tiêu chí 21.4: Bổ sung các kết quả thực hiện các nghiên cứu/ đề tài là nhiệm vụ đặt hàng và có chuyển giao cho các ban ngành, địa phương; các hoạt động đào tạo tăng cường năng lực theo yêu cầu của các đơn vị (không phải là các khóa đào tạo cấp chứng chỉ đào tạo theo chức danh nghề nghiệp...); các hoạt động thiện nguyện; bổ sung nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ đóng góp cho sự phát triển cộng đồng của Nhà trường. Từ đó đánh giá mức độ cải tiến trong giai đoạn 2017-2023. Ngoài ra, đánh giá mức độ cải tiến/thay đổi về cách thức quản lý, phân công, việc quy định hướng dẫn về công tác này tại Nhà trường trong giai đoạn 5 năm qua.

- Tiêu chí 22.1: Cập nhật số liệu của năm học 2022-2023 ở Bảng 22.1 (trang 295) và Bảng 22.6 (trang 298); số liệu của năm 2023 Bảng 22.2 và 22.3 (trang 296), Bảng 22.4 và 22.5 (trang 297). Bổ sung tỉ lệ thôi học/hoãn học, tốt nghiệp của các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ của Trường. Bổ sung mô tả về việc đối sánh và kết quả đối sánh về các tỷ lệ này của các ngành đào tạo đại học, sau đại học với các cơ sở giáo dục khác, nếu có.

- Tiêu chí 22.2: Cập nhật số liệu của năm học 2022-2023 ở Bảng 22.7, 22.8, 22.9 và 22.10 (trang 299, 300). Bổ sung thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ của Trường. Bổ sung mô tả về việc đối sánh và kết quả đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường với các cơ sở giáo dục khác, nếu có.

- Tiêu chí 22.3: Bổ sung số liệu cụ thể về kết quả việc làm, mức độ thăng tiến công việc của người học tốt nghiệp các CTĐT đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Bổ sung mô tả về việc đối sánh và kết quả đối sánh về các tỷ lệ việc làm của các ngành đào tạo đại học, sau đại học của Trường với các cơ sở giáo dục khác, nếu có. Lưu ý các mô tả cần có số liệu cụ thể.

- Tiêu chí 22.4: Bổ sung việc thực hiện đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp (quy định, hướng dẫn thực hiện, thời gian, cách thức, công cụ đo lường và kết quả cụ thể đối với từng đối tượng được khảo sát). Mô tả cụ thể việc thực hiện đối sánh và kết quả đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp với các cơ sở giáo dục khác, nếu có. Lưu ý các mô tả cần có số liệu cụ thể và có dẫn chiếu minh chứng phù hợp để xác

thực (hiện mô tả của Tiêu chí ở trang 303 còn hết sức sơ sài, không có số liệu, không có minh chứng).

- Tiêu chí 23.1: Bổ sung kết quả thực hiện NCKH hàng năm trong giai đoạn 2017-2023 (số đề tài NCKH các cấp) của đội ngũ cán bộ giảng viên nhà trường. Mô tả cụ thể về việc thực hiện đối sánh và kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên của Nhà trường với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước, nếu có.

- Tiêu chí 23.2: Bổ sung kết quả thực hiện NCKH hàng năm trong giai đoạn 2017-2023 (số đề tài NCKH các cấp) của người học Nhà trường. Mô tả cụ thể về kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học Nhà trường với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước, nếu có.

- Tiêu chí 23.3: Bổ sung mô tả về việc thực hiện đối sánh và kết quả đối sánh về công bố khoa học của Nhà trường với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước, nếu có.

- Tiêu chí 23.5: Bổ sung cụ thể số kinh phí thu được từ các nguồn bên ngoài cho hoạt động nghiên cứu (số kinh phí được cấp cho các đề tài cấp Bộ, Nhà nước; các dự án hợp tác, các nguồn hỗ trợ/tài trợ,... từ các tổ chức bên ngoài); số kinh phí của Nhà trường đã chi hàng năm cho hoạt động KHCN của giảng viên, của sinh viên và tính mức chi theo quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP, Nghị định 109/2022/NĐ-CP. Cập nhật số liệu của năm 2023 ở trang 311 và 312. Nêu kết quả khảo sát thu thập thông tin phản hồi của giảng viên về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu và các kế hoạch cải tiến, tăng mức đầu tư cho hoạt động của Nhà trường, nếu có.

- Tiêu chí 23.6: Bổ sung số lượng các giải thưởng sáng tạo các cấp mà cán bộ, giảng viên và người học của Nhà trường đã đạt được, các dự án khởi nghiệp được thiết kế, triển khai và kết quả đạt được; các hợp đồng hợp tác và các dự án nghiên cứu chuyển giao ... từ năm 2017 đến nay (hiện ở trang 314 chỉ nêu chung chung là “*có nhiều hợp đồng hợp tác và các dự án nghiên cứu chuyển giao được ký kết*”).

- Đối với Đánh giá chung Tiêu chuẩn 23: Các nhận định điểm mạnh (2, 3, 4) chưa trực tiếp liên quan đến yêu cầu của Tiêu chí này; cần tích hợp và chuyển lên Tiêu chuẩn 18.

- Tiêu chí 24.1: Bổ sung số liệu cụ thể để minh họa cho các nội dung mô tả về kết quả đạt được trong hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của Nhà trường (có thể tích hợp các số liệu đã được nêu tại Tiêu chí 21.2 và 21.4). Bổ sung mô tả về việc thực hiện đối sánh và kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước (kèm dẫn chiếu minh chứng phù hợp để xác thực), nếu có.

- Tiêu chí 24.2: Bổ sung kết quả ghi nhận, đánh giá của các đơn vị, cơ quan bên ngoài về kết quả đóng góp của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường đối với xã hội. Mô tả cụ thể về công cụ đánh giá tác động, quy trình và cách thức, kết quả đánh giá tác động của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội của Nhà trường.

- Tiêu chí 24.3: Bổ sung cụ thể hơn về các quy định của Nhà trường (về quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn); kế hoạch thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường. Bổ sung các kết quả đánh giá tác động có được và đối sánh kết quả qua từng năm và kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước, nếu có. Phân tích làm rõ các quyết định, kết luận, các đầu tư của Nhà trường đã thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động này như thế nào.

- Tiêu chí 24.4: Bổ sung mô tả cụ thể hơn về các kế hoạch cải tiến chất lượng và các kết quả đạt được sau cải tiến đối với các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Lưu ý các mô tả cần có số liệu cụ thể và có dẫn chiếu minh chứng phù hợp để xác thực (hiện mô tả của Tiêu chí ở trang 321 còn hết sức chủ quan, không có số liệu, không có minh chứng).

- Tiêu chí 25.1: Cập nhật số liệu của năm 2023 ở Bảng 25.1 (trang 325), Bảng 25.2 (trang 326). Bổ sung nội dung phân tích, đánh giá về mức độ tăng trưởng về thu chi và mức độ đảm bảo ổn định/phát triển cho các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và thu nhập của cán bộ hàng năm trong giai đoạn 2018-2023.

- Tiêu chí 25.2: Cập nhật số liệu của năm 2023 ở Bảng 25.1 (trang 329), Bảng 25.4 và 25.5 (trang 330), Bảng 25.6 (trang 330). Bổ sung mô tả về việc sử dụng kết quả tham gia bộ chỉ số xếp hạng, đối sánh trong việc xác lập các chỉ tiêu phấn đấu và cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động. Đánh giá mức độ đạt được các thành tích về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng so với các cơ sở giáo dục khác để làm rõ hơn “*thị phần giáo dục*” có được của Nhà trường.

3.2.1. Việc phân tích, so sánh các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân

Báo cáo tự đánh giá đã phân tích, xác định được những điểm mạnh, các tồn tại đối với từng tiêu chuẩn. Tuy nhiên, một số nhận định điểm mạnh được rút ra chưa đủ căn cứ, chưa được mô tả phân tích trước đó như ở các Tiêu chuẩn 1 (nội dung 2), 2 (nội dung 8), 3 (nội dung 4), 7 (nội dung 2), 8 (các nội dung 5, 6, 8), 14 (các nội dung 1, 6), 22 và 24 (nội dung 3). Hoặc đưa ra các nhận định không trực tiếp liên quan đến yêu cầu của Tiêu chuẩn như ở các Tiêu chuẩn 4 (nội dung 1), 14 (nội dung 4) và 23 (các nội dung 2, 3, 4); cần bổ sung hoặc tích hợp, điều chuyển qua các Tiêu chuẩn khác phù hợp hơn, xem cụ thể trong mục 3.2.1.

3.2.2. Việc xác định những vấn đề cần cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện của đơn vị

Các kế hoạch hành động cải tiến chất lượng được đề xuất về cơ bản là phù hợp để giải quyết vấn đề tồn tại được rút ra trong Điểm tồn tại. Tuy nhiên, ở một số Tiêu chuẩn cần xác định lại thời gian bắt đầu thực hiện cho phù hợp hơn (hiện đang xác định chung chung là “Hàng năm” như ở Tiêu chuẩn 11, 12, 15 và 16. Hoặc xác định thời gian không phù hợp: Năm học 2020-2021 (ở Tiêu chuẩn 17), 2023 (ở các Tiêu chuẩn 1, 2, 4, 13, 14, 20 và 22), 2021-2025 (ở Tiêu chuẩn 17), 2023-2028 (ở các Tiêu chuẩn 19 và 23). Thậm chí không xác định thời gian (ở Tiêu chuẩn 21). Cần xác định lại cho phù hợp hơn.

Ngoài ra, có một số tồn tại của Tiêu chuẩn chưa được xây dựng kế hoạch cải tiến, khắc phục, như ở các Tiêu chuẩn 8 (các tồn tại 3, 4, 5, 6), 9 (tồn tại 3), 10 (tồn tại 1), 11 (tồn tại 1), 12 (các tồn tại 2, 3) và 19 (các tồn tại 2, 3), cần xây dựng bổ sung.

3.2.4. Việc sử dụng thông tin và minh chứng trong báo cáo tự đánh giá

Việc sử dụng thông tin, minh chứng trong Báo cáo đa số là phù hợp. Ở khá nhiều tiêu chuẩn còn thiếu số liệu của năm 2023 hoặc năm học 2022-2023; minh chứng dẫn chiếu cũng chưa được phù hợp, tương thích (như đã nêu tại mục 3.2.1). Hoặc còn thiếu các số liệu về kết quả phân tích mức độ đạt được của Nhà trường so với kế hoạch hoặc so với kết quả của các năm đầu giai đoạn đánh giá và kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác. Do vậy, Nhà trường nên tham chiếu Bảng hướng dẫn đánh giá (theo bộ tiêu chuẩn đánh giá ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017) ban hành kèm theo công văn số 1668/QLCD-KĐCLGD ngày 30/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT để rà soát, thu thập, bổ sung.

3.2.3. Tính đầy đủ, thống nhất của các thông tin và minh chứng về mức độ đạt được của các tiêu chí

Một số tiêu chí trong Báo cáo cần được bổ sung thông tin, số liệu thống kê cụ thể, kèm theo minh chứng chưa phù hợp để có đủ căn cứ đánh giá mức độ đạt được, mức tự đánh giá 5/7, 6/7 điểm (Tiêu chuẩn 8, 17, 18, 21, ...). Ngoài ra, Nhà trường cần xem lại Hướng dẫn tại Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD về các mức độ đạt được theo thang đánh giá 7 mức để xác định mức tự đánh giá phù hợp với hiện trạng Nhà trường. Nhìn chung, tự đánh giá ở mức khá cao so với mô tả hiện trạng.

3.2.5. Những tiêu chí bị bỏ sót hoặc chưa được phân tích và đánh giá đầy đủ

Không có tiêu chí nào bị bỏ sót trong Báo cáo tự đánh giá.

3.3. Phần III. Phụ lục

3.3.1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

Phần Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục của Báo cáo TĐG cơ bản đã đảm bảo các mục theo Hướng dẫn. Tuy nhiên, Nhà trường cần rà soát, điều chỉnh lại một số nội dung để Báo cáo được hoàn thiện hơn, cụ thể:

- Tiếp tục cập nhật dữ liệu Báo cáo đến thời điểm đánh giá ngoài.

- Bổ sung dữ liệu trong Phần cơ sở dữ liệu đảm bảo đủ từng năm của chu kỳ tự đánh giá. Hiện ở trang bìa ghi “*Giai đoạn tự đánh giá 2018-2023*”, tuy nhiên một số bảng dữ liệu chỉ báo cáo từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023 là chưa đầy đủ. Cần xem xét, bổ sung dữ liệu nối tiếp với đợt tự đánh giá chu kỳ 1 (2012-2016).

- Thống nhất hình thức biểu diễn số thập phân trong toàn Báo cáo (sử dụng dấu chấm hay dấu phẩy để biểu diễn số thập phân?).

- Điền đầy đủ thông tin vào các ô còn trống trong các bảng số liệu, nếu không có thì nên ghi là “0“, nếu không có thông tin thì nên ghi là “-“ hoặc “/”;

- Nên lặp lại tiêu đề các bảng để tiện theo dõi, ví dụ như: Bảng 15 – dữ liệu năm 2020 (tr.357-358), Bảng 16 – dữ liệu năm 2020 (tr.358-359)...

- Phần **I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**: Bổ sung thông tin Mục 11 (tr.337): đánh dấu x vào ô Có/Không đối với các loại hình đào tạo *Từ xa*, *Liên kết đào tạo với nước ngoài*, *Liên kết đào tạo trong nước* (hiện chưa đánh dấu); đối với loại hình đào tạo *Khác*, nếu không thực hiện cần ghi rõ “Không”.

- Phần **II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên**:

- + Mục 15 (tr.358): Kiểm tra lại dữ liệu dòng “Tổng” đối với số GV, NCV hợp đồng, thỉnh giảng năm 2022. Bổ sung dữ liệu năm 2023.

- + Mục 17 (tr.359-361): Cần bổ sung dữ liệu dòng “**I- Cán bộ cơ hữu**, Trong đó” (số liệu (I) = (I.1) + (I.2))) đối với dữ liệu mỗi năm trong chu kỳ đánh giá; đồng thời kiểm tra lại dữ liệu dòng “Tổng cộng” – số liệu *Tổng số* của năm 2018, 2020.

- + Mục 18 (tr.361-363): Bổ sung dữ liệu cột *Tổng số* đối với các bảng dữ liệu từng năm, từ đó kiểm tra lại các dữ liệu liên quan.

- + Mục 19 (tr.365): Kiểm tra lại dữ liệu dòng “*Tổng cộng*” đối với bảng dữ liệu năm 2021, số người tuổi <30.

- + Mục 20 (tr.366): Bổ sung dữ liệu dạng số trong bảng tỷ lệ % giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học (hiện chỉ đánh dấu x), đồng thời bổ sung đầy đủ số liệu đủ 5 năm của chu kỳ TĐG.

- Phần **IV. Nghiên- cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**:

- + Mục 28 (tr.397): Cần kiểm tra lại dữ liệu cột “*Tổng số*” đối với *Đề tài cấp Bộ*, *Đề tài cấp trường*.

- + Mục 31 (tr.398): Bổ sung thông tin dòng “*Tổng cộng*” và số liệu cuối bảng. Tương tự đối với mục 32 (tr.398-399).

+ Mục 33 (tr.399): Cần bổ sung dữ liệu dòng “1-Tạp chí Khoa học quốc tế, trong đó:” và rà soát dữ liệu dòng “Tổng cộng”, đặc biệt đối với dữ liệu năm 2022 và Tổng số.

+ Mục 35 (tr.399-400): Cần bổ sung dữ liệu sau bảng.

- Cập nhật thông tin Mục **Tóm tắt một số chỉ số quan trọng** sau khi kiểm tra lại các dữ liệu theo nhận xét bên trên.

3.2.2. Các phụ lục liên quan khác

Báo cáo đã có đầy đủ các phụ lục theo yêu cầu.

3.2.3. Danh mục minh chứng

Danh mục minh chứng cần được rà soát và chỉnh sửa theo một số nội dung sau:

- Bổ sung đầy đủ số hiệu văn bản, ngày/tháng ban hành các minh chứng để đảm bảo tính giá trị của thông tin, hiện các minh chứng như H1.01.04.01, H1.01.04.02, H1.01.04.07... chưa có số hiệu ban hành văn bản; H10.10.03.02 chưa có số hiệu, ngày tháng ban hành văn bản.

- Cung cấp đường link truy cập trực tiếp tới các minh chứng là các thông tin/văn bản được đăng tải trên trang web như H9.09.04.02, H9.09.04.03, H9.09.04.04... .

- Đối với các hoạt động khảo sát, ngoài minh chứng mẫu phiếu khảo sát, cần bổ sung kế hoạch, báo cáo kết quả tổng hợp, ví dụ minh chứng H14.01.01.11 chỉ có phiếu khảo sát; H14.01.01.13 chỉ có kế hoạch khảo sát, tương tự với minh chứng H15.15.01.06, H16.16.01.11, H21.21.02.11...

- Chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật còn trong Danh mục, cụ thể như: Thống nhất cách viết tắt trong toàn bộ quyền minh chứng; thống nhất cách viết “Trường ĐH MĐC” hoặc “Trường ĐH Mở - Địa chất”; một số lỗi chính tả như [H1.01.01.10] *Kết quả lấy ý kiến cán bộ, viên chức, người học và các bên liên quan về sứ mạng... - Số 24/TB-MĐC ngày 20/01/2020*, [H1.01.03.01] *Phổ biến nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi đối với cán bộ, viên chức, người học tron Trường...*, tương tự [H2.02.01.15], [H2.02.04.11]; một số ít lỗi dính chữ, cách chữ cần rà soát, điều chỉnh, v.v.

III. Đánh giá chung về báo cáo tự đánh giá

Nhìn chung, Báo cáo tự đánh giá của Nhà trường phản ánh được những thông tin cơ bản nhất về những hoạt động và thành tích nổi bật Trường ĐH Mở - Địa chất đạt được từ năm 2018 – 2023, cơ sở dữ liệu được cập nhật đến ngày 15/4/2024; lập luận và lý giải có minh chứng, căn cứ vào yêu cầu của nội hàm các tiêu chí.

Khi chỉnh sửa, hoàn thiện lại Báo cáo tự đánh giá, Nhà trường cần bám sát hướng dẫn tại Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 và 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn đánh

giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học để bổ sung các thông tin và minh chứng phù hợp.

Khi Nhà trường gửi lại Báo cáo tự đánh giá cho Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN cần gửi kèm công văn và bản đối chiếu đã điều chỉnh bổ sung và những ý kiến bảo lưu đề Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN xem xét, rà soát lại trước khi triển khai đánh giá ngoài. Đồng thời, Nhà trường cần gửi một bản Báo cáo tự đánh giá cho Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo để báo cáo theo Hướng dẫn tại Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trung tâm khuyến khích Nhà trường chuẩn bị các tài liệu, hồ sơ minh chứng online. Khi gửi lại Báo cáo tự đánh giá cho Trung tâm để đánh giá ngoài, Nhà trường nên gửi kèm theo các hồ sơ online. Các hồ sơ online được sắp xếp theo danh mục từ HS1 đến HS10 (mỗi hồ sơ là 1 thư mục riêng, lưu ý cách đặt tên thư mục¹) và được tập hợp vào link sau:

<https://drive.google.com/drive/folders/12oLq9-czjFG3bPRzl-wLoY5xchj40ot?usp=sharing>

Nội dung 10 thư mục hồ sơ online như sau:

Tên hồ sơ	Ghi chú
HS1. Chiến lược Chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của trường đại học; Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy chế khác Nhà trường đang sử dụng. Các tuyên bố chính thức về: sứ mạng, mục tiêu, giá trị cốt lõi, khẩu hiệu hành động, triết lý giáo dục (nếu có) và lập bảng so sánh, đối chiếu các lần xây dựng, thay đổi, điều chỉnh (nếu có)	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường - nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS2. Chương trình đào tạo Danh mục các chương trình đào tạo theo các ngành đào tạo của Nhà trường theo các trình độ và loại hình đào tạo, năm bắt đầu đào tạo chương trình, địa điểm tổ chức đào tạo chương trình (file mẫu: CSGD1. HS2. DANH MỤC CTDT).	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường - nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS3. Bản mô tả chương trình đào tạo	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường -

¹ Đặt tên file/folder không dấu và ghi rõ nội dung, ví dụ “HS1. Kehoach, CL; HS2. Sumang, MT”, v.v

Các bản mô tả chương trình đào tạo của trường trong đó có mục tiêu chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, chương trình dạy học của chương trình đào tạo và các thông tin liên quan đến CTĐT mà trường công bố.	nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS4. Công tác kiểm tra, đánh giá Các quy định, hướng dẫn, biểu mẫu về các phương pháp kiểm tra, đánh giá thực hiện trong chương trình đào tạo; Rubrics dùng để đánh giá dự án, thực tập, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp cho từng chương trình đào tạo.	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường - nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS5. Ý kiến phản hồi của các bên liên quan Quy định, quy trình, biểu mẫu, hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan gồm: người học, đội ngũ, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên (và các bên liên quan khác nếu có); Báo cáo các kết quả khảo sát các bên liên quan đã triển khai và các hoạt động cải tiến chất lượng (nếu có). (file mẫu: CSGD2. HS5. TK CAC KHAO SAT)	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường - nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS6. Nghiên cứu khoa học Danh mục thống kê đề tài, các công bố trong nước và quốc tế, các phát minh/sáng chế và bản quyền (hoặc đăng ký bản quyền) sở hữu trí tuệ, các thống kê các nguồn lực thu được từ các hoạt động NCKH và chuyển giao (file mẫu: CSGD3. HS6. TK NCKH, CONG BO KHOA HOC).	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường - nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS7. Giảng viên, CBQL, CBHT Danh sách trích ngang của đội ngũ giảng viên; cán bộ quản lý; cán bộ hỗ trợ (file mẫu: CSGD4. HS7. TK GV, CBQL, CBHT).	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường - nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS8. Danh sách các các tổ chức đối tác, các nhà sử dụng lao động Danh sách các nhà sử dụng lao động, các tổ chức đối tác Nhà trường có thiết lập quan hệ (file mẫu: CSGD5. HS8. TK Doi tac, NSDLĐ).	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường - nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS9. Danh sách người học thành đạt	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường -

Danh sách các cựu sinh viên/người học thành đạt mà Trường giữ liên lạc (file mẫu: CSGD6. HS9. TK cuu NH thanh dat)	nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.
HS10. Báo cáo ba công khai Báo cáo Ba công khai của Trường 5 năm trong chu kỳ đánh giá (theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT).	Nhà trường copy các tài liệu liên quan và đưa vào thư mục hoặc cung cấp link trên website của Trường - nếu tài liệu đã được công bố trên website; hoặc link tới tài liệu nếu tài liệu đã có trong minh chứng online kèm BC TĐG.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Tổng hợp thẩm định Báo cáo tự đánh giá Trường Đại học Mở - Địa chất)

Phụ lục 1. Bảng kiểm cấu trúc chung của báo cáo tự đánh giá

	Có	Không
1. Trang bìa chính, trang bìa phụ	☒	☐
2. Danh sách và chữ ký của các thành viên Hội đồng tự đánh giá (nên điều chỉnh để đúng vị trí sau trang bìa phụ)	☐	☒
3. Mục lục	☒	☐
4. Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	☒	☐
5. Năm (05) phần nội dung của báo cáo:	☒	☐
- Phần I: Hồ sơ về cơ sở giáo dục	☒	☐
+ Khái quát về cơ sở giáo dục	☒	☐
Lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, thành tích ...	☒	☐
Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục và những chi nhánh/cơ sở	☒	☐
Cấu trúc tổ chức của HĐQT/HĐ trường	☒	☐
+ Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục	☒	☐
Quy định pháp lý của các hoạt động của cơ sở giáo dục và mức độ ảnh hưởng	☒	☐
Thách thức chính và kế hoạch khắc phục của cơ sở giáo dục	☒	☐
Điểm mạnh, cơ hội và cách cơ sở giáo dục tận dụng điểm mạnh, cơ hội đó	☒	☐
- Phần II: Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục (phần này cần sửa lại tên trong Báo cáo tự đánh giá)	☒	☐
+ Báo cáo viết đầy đủ về 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí	☒	☐
+ Mỗi tiêu chí được viết đầy đủ theo cấu trúc	☒	☐
Mô tả và nhận định thực trạng hoạt động của cơ sở giáo dục trong 5 năm gần nhất	☒	☐
Tự đánh giá tiêu chí đạt mức	☒	☐
+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá cơ sở giáo dục	☒	☐
+ Phần Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu	☐	☒
- Phần III: Phụ lục	☒	☐
+ Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục trong vòng 05 năm tính đến thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá	☒	☐
+ Số liệu trong cơ sở dữ liệu có thống nhất với nhau và trùng khớp với các dữ liệu nêu trong báo cáo tự đánh giá không;	☒	☐
+ Các tài liệu liên quan: các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Kế hoạch tự đánh giá; các bảng biểu tổng hợp, thống kê, v.v.	☒	☐
+ Danh mục minh chứng của Báo cáo tự đánh giá	☒	☐
- Các mẫu biểu có được thực hiện đúng hướng dẫn không;	☒	☐

	Có	Không
+ Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	☒	☐
+ Danh sách thành viên Ban thư ký và nhóm công tác chuyên trách	☒	☐
+ Kế hoạch tự đánh giá	☒	☐
+ Phần tự đánh giá của trường	☒	☐
+ Tổng hợp kết quả tự đánh giá	☒	☐
+ Cơ sở dữ liệu KĐCLGD (một số nội dung chưa đúng mẫu đã được chỉ ra trong phần Nhận xét)	☒	☐
+ Danh mục minh chứng	☒	☐

Phụ lục 2. Hình thức báo cáo tự đánh giá

	Có	Không
Báo cáo định dạng đúng thể thức kỹ thuật theo yêu cầu của Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT:		
+ Khổ giấy A4	☒	☐
+ Phong chữ Times New Roman, Unicode (rà soát lại vì phong chữ chưa thống nhất trong toàn Báo cáo)	☒	☐
+ Cỡ chữ 14	☒	☐
+ Lề trên: 2 – 2.5 cm	☒	☐
+ Lề dưới: 2 – 2.5 cm	☒	☐
+ Lề trái: 3 – 3.5 cm	☒	☐
+ Lề phải: 2 – 2.5 cm	☒	☐
+ Khoảng cách giữa các dòng: 1.5 lines	☒	☐
- Báo cáo có lỗi chính tả hay không; (Các lỗi chính tả đã được liệt kê trong phần Nhận xét)	☒	☐
- Báo cáo có lỗi đánh máy hay không; (Một số ít lỗi đánh máy đã được liệt kê trong phần Nhận xét)	☒	☐
- Các chữ viết tắt (nếu có) có thống nhất trong toàn báo cáo không; (Những chỗ chưa thống nhất đã được chỉ ra trong phần Nhận xét)	☒	☐
- Văn phong trong báo cáo có phù hợp không; (Một số nội dung chưa phù hợp đã được chỉ ra trong phần Nhận xét)	☒	☐